

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2025/DS-ST
Ngày: 29-4-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nữ;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1160/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: Số A, đường T, phường L, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Duy B – Trưởng phòng giao dịch Thủ Dầu Một; địa chỉ: Số B, đường C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 16/10/2024), có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Tu Phong L, sinh năm 1980; địa chỉ: Số X, Tổ 4, ấp V, xã VH, huyện P, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Nguyễn Tu Phong L dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm hợp đồng ngày 21/11/2022, loại thẻ tín dụng Visa Gold có mã tài khoản là V02801729899, hạn mức thẻ 66.000.000 đồng. Tính đến ngày 09/10/2024 số dư nợ là 111.385.543 đồng, khoản nợ không có đảm bảo bằng tài sản.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà Nguyen Tu Phong L thực hiện thanh toán nợ nhưng bà L không thực hiện. Ngân hàng A yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Nguyen Tu Phong L phải thanh toán nợ tính đến ngày 09/10/2024 là 111.385.543 đồng bao gồm:

- + Nợ gốc: 65.996.895 đồng;
- + Lãi: 26.208.872 đồng;
- + Phí và phạt chậm thanh toán: 15.935.537 đồng;
- + Phí phạt chậm thanh toán: 3.244.239 đồng.

Bị đơn bà Nguyen Tu Phong L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến Toà án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố đối với vụ án.

Tại phiên toà:

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Yêu cầu bà Nguyen Tu Phong L thanh toán nợ tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 145.573.646 đồng bao gồm nợ gốc 65.996.895 đồng; lãi và phí phạt chậm thanh toán là 79.576.751 đồng. Bà Nguyen Tu Phong L còn phải tiếp tục chịu lãi, phí phạt chậm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ theo thoả thuận trong hợp đồng đã ký với Ngân hàng A.

- Bị đơn bà Nguyen Tu Phong L đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Nguyen Tu Phong L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện Ngân hàng A yêu cầu bà Nguyen Tu Phong L thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo đề nghị phát hành thẻ tín

dụng quốc tế Vietcombank kèm hợp đồng ngày 21/11/2022, loại thẻ tín dụng Visa Gold có mã tài khoản là V02801729899 nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2]. Về thẩm quyền: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A và bà Nguyen Tu Phong L được giao kết và thực hiện tại Ngân hàng A chi nhánh Bình Dương có trụ sở tại phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về sự tham gia của các đương sự tại phiên toà: Bị đơn bà Nguyen Tu Phong L đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế Vietcombank kèm hợp đồng ngày 21/11/2022 giữa Ngân hàng A và bà Nguyen Tu Phong L có thỏa thuận với nhau về việc Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho bà L để tiêu dùng cá nhân, với hạn mức sử dụng là 66.000.000 đồng. Xét thấy, việc ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Nguyên đơn Ngân hàng A xác định do bị đơn bà Nguyen Tu Phong L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng, từ đó dẫn đến phát sinh tranh chấp. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2025 là 145.573.646 đồng bao gồm nợ gốc 65.996.895 đồng; lãi, phí phạt chậm thanh toán là 79.576.751 đồng. Về phía bị đơn bà Nguyen Tu Phong L trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, xem như bà L đã từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyen Tu Phong L đã không thanh toán tiền nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng A kể từ ngày 20/9/2023. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nợ, nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ là đã vi phạm thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 21/11/2022. Do đó, từ ngày 20/9/2023, khoản nợ của bà Nguyen Tu Phong L tại Ngân hàng A đã chuyển sang nợ quá hạn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 145.573.646 đồng bao gồm nợ gốc 65.996.895 đồng; lãi và phí phạt chậm thanh toán là 79.576.751 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.4] Từ ngày 30/4/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, bà Nguyen Tu Phong L còn phải thanh toán cho Ngân hàng A tiền lãi quá hạn, lãi phạt, phí theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 21/11/2022.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng A chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.315.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, các Điều 91, 147, 179, 227, 228, 235, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bị đơn bà Nguyen Tu Phong L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Bà Nguyen Tu Phong L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 29/4/2025 là 145.573.646 đồng bao gồm nợ gốc là 65.996.895 đồng; lãi và phí phạt chậm thanh toán là 79.576.751 đồng.

- Từ ngày 30/4/2025 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyen Tu Phong L còn phải thanh toán cho Ngân hàng A tiền lãi quá hạn, lãi phạt, phí theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 21/11/2022.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng A chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.315.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyen Tu Phong L phải nộp 7.278.682 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 2.785.000đ (hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008751 ngày 13/12/2024.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga

